



THƯ MỜI CHÀO GIÁ LẦN 2

(Gia hạn thư mời chào giá số 3735/TM-TTKSBT ngày 03/10/2024)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ công văn số 3735/TM-TTKSBT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố về việc cung cấp báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu để mua sắm hóa chất, vật tư phục vụ hoạt động công tác xét nghiệm dịch vụ năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Vật tư Y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố. Địa chỉ: số 366A Âu Dương Lân, phường 03, quận 08, TP. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028). 39242717, 39234629. Line: 176.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Vật tư Y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố, số 366A Âu Dương Lân, phường 03, quận 08, TP.HCM.
 - Kèm báo giá file mềm qua email: khoaduoc@hcdc.gov.vn
- Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ "Báo giá theo Thư mời số 3735/TTKSBT-DVTTYT ngày 03/10/2024".
- Thời gian gia hạn nhận báo giá:
 - Theo công văn số 3735/TM-TTKSBT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố về việc cung cấp báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao, thời gian tiếp nhận báo giá từ ngày 03/10/2024 đến trước 16h00 ngày 14/10/2024.
 - Nay gia hạn thời gian tiếp nhận báo giá từ ngày 14 tháng 10 năm 2024 đến trước 16h00 ngày 08 tháng 11 năm 2024.
 - (Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **180 ngày**, kể từ ngày 08/11/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: (Đính kèm danh mục hàng hóa)
- Địa điểm giao hàng: tại kho của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố. Địa chỉ: 699 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Thời gian dự kiến thực hiện: trong quý IV năm 2024 (thời gian có thể thay đổi phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu)

4. Các thông tin khác (nếu có): Báo giá bao gồm các thuế phí và các chi phí khác; Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, K.D-VTTYT (NNT, 3b).



Nguyễn Hồng Tâm



SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ

DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Alkaline Peptone Water	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 21872 và ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 8.3 - 8.7 (20 g/l, H ₂ O, 25 °C) sau khi hấp Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
2	Bacillus Cereus Selective Supplement	- Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Phù hợp pha chế môi trường Cereus Selective Agar (MYP) theo ISO 7932; Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025. Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133. Quy cách: Hộp 10 vials	Hộp	2
3	Bactident Coagulase	- Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Huyết tương thô dạng đông khô với EDTA - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025, ISO 11133 Quy cách: Hộp 6 lọ	Hộp	2
4	Bactident Oxidase	- Dạng que giấy, đầu que giấy có tẩm thuốc thử N,N-dimethyl-1,4-phenylene diammonium dichloride 0,1μmol và 1-naphthol 1,0μmol. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 17025, ISO 11133 Quy cách: Hộp 50 test	Hộp	1
5	Baird Parker Agar	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 6888, ISO 17025 và FDA-BAM - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 - pH: 6.8 (58 g/l, H ₂ O, 37 °C) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
6	Blood Agar no.2	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 7932, ISO 21871, ISO 17025 và FDA-BAM - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 7.2 - 7.6 (40 g/l, H ₂ O, 25 °C) (sau khử trùng) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
7	Brila Broth	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 4831, 4832 và ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 7.2 (40 g/l, H ₂ O, 30 °C) sau khi hấp Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
8	Bromothymol blue	- Chỉ thị màu loại dùng cho phân tích. - Đạt chuẩn ACS, Reag. Ph Eur Quy cách: chai 25g	Chai	1
9	Cereus Selecttive Agar (MYP)	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh- Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục.- Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 7932, ISO 21871, ISO 17025 và FDA-BAM- Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133pH: 7.0 - 7.4 (43 g/l, H ₂ O, 25 °C) (sau khử trùng)Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
10	Clostridium perfringens selective supplement	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Phù hợp sử dụng pha chế môi trường TSC Agar theo ISO 7937 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 Quy cách: Hộp 10 vials	Hộp	1
11	Chromocult coliform agar	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 9308-1 và ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 - pH: 6.6 - 7.0 (26.5 g/l, H ₂ O, 25 °C) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
12	Chromocult TBX Agar	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 16649-2 và ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 7.0 - 7.4 (36.6 g/l, H ₂ O, 25 °C) sau khi hấp Quy cách: Hộp 500g	Hộp	2
13	Chủng Clostridium perfringens ATCC 13124	- Đòi cấy truyền: ≤ F3 - Không xác định số lượng CFU, sử dụng cho mục đích định tính - Chủng có nguồn gốc từ ngân hàng chủng ATCC hoặc NCTC hoặc tương đương - Cung cấp kèm CoA. - Mỗi gói chứa 1 viên chủng vi sinh đông khô, khoang chứa dung dịch hoàn nguyên & que tăm bông phân lập. - Quy cách đóng gói: Một bộ gồm 2 gói.	Bộ	1
14	Dichloran Glycerol Agar (DG18)	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 21527-2, ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 5.4 – 5.8 (31.6 g/l, H ₂ O, 37°C) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
15	EC broth	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 4831, 7251 và ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- pH: 6.7 - 7.1 (37 g/l, H ₂ O, 25 °C) sau khi hấp Quy cách: Hộp 500g		
16	Egg yolk emulsion	- Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Phù hợp pha chế môi trường Cereus Selective Agar (MYP) theo ISO 7932 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 Quy cách: chai 100ml	Chai	10
17	Egg yolk tellurite emulsion	- Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh- Phù hợp sử dụng pha chế môi trường Baird Parker Agar theo tiêu chuẩn ISO 6888- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025- Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 Quy cách: chai 50ml	Chai	5
18	Kháng huyết thanh Salmonella H đa giá	- Kháng huyết thanh đa giá dạng dung dịch Quy cách: Lọ 3ml	Lọ	1
19	Kháng huyết thanh Salmonella O đa giá	- Kháng huyết thanh đa giá dạng dung dịch Quy cách: Lọ 3ml	Lọ	1
20	Lauryl Sulfate Broth	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 4831, 7251 và ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 6.8 (35.6 g/l, H ₂ O, 25°C) sau khi hấp. Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
21	Máu cừu	- Máu cừu khử sợi huyết được sử dụng để bổ sung vào các môi trường thạch máu – môi trường dinh dưỡng để nuôi cấy các vi sinh vật khó tính và phân biệt vi khuẩn dựa trên đặc tính tan máu của chúng. Máu cừu khử sợi huyết được rút bằng kỹ thuật vô trùng. Fibrin được loại bỏ cơ học, không bổ sung chất chống đông máu hoặc các chất phụ gia khác. Quy cách: ống 10ml	Ống	65
22	Methyl red	- Chỉ thị màu loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ACS, Reag. Ph Eur. Quy cách: chai 25g	Chai	1
23	Nutrient Broth	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 - pH: 7.0 (8 g/l, H ₂ O, 37 °C) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
24	Peptone Water	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 6579, ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 - pH: 7.2 (25 g/l, H ₂ O, 37 °C) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	2
25	Pseudomonas CN selective supplement	- Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh Phù hợp sử dụng pha chế môi trường Pseudomonas CN Agar theo tiêu chuẩn ISO 16266 - Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 17025, ISO 11133 Quy cách: hộp 10 vials	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
26	Pseudomonas Selective Agar	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 16266, ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đạt theo ISO 111 pH: 6.9 - 7.3 (48.4 g/l, H ₂ O, 25 °C) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
27	Slanetz and Bartley	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh- Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục.- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 7899-2, ISO 17025- Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133- pH: 7.2 (41 g/l, H ₂ O, 35 °C)Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
28	TSC Agar	'- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 7937, ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đạt theo ISO 11133 - pH: 7.4 - 7.8 (42 g/l, H ₂ O, 35 °C) Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
29	VRB Agar	- Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh - Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. - Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 4832 và ISO 17025 - Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 - pH: 7.3 - 7.5 (40 g/l, H ₂ O, 37 °C) sau khi hấp Quy cách: Hộp 500g	Hộp	1
30	Nước muối sinh lý	1 Cảm quan - Quan sát bằng mắt thường, dạng lỏng, không màu trong suốt 2 Độ pH - TCVN 6492:2011 < 8,0 3 Hàm lượng NaCl g/100ml TCVN 11876:2017 < 1 4 Thể tích ml Đo thể tích ± 10 5 Hàm lượng chất không tan trong nước g/100ml TCVN 10240:2013 < 0,2 6 Arsenic (As) Mg/L ICP-MS < 0,1 7 Thủy ngân (Hg) mg/L < 0,1 8 Chì mg/L < 0,1 Quy cách: chai 500ml	Chai	20
31	Bộ thuốc nhuộm Gram	Hóa chất nhuộm trong xét nghiệm huyết trắng, thành phần là Crystal Violet 1%, Lugol (Iodine 0,1%, Potassium iodine 0,2%), Safranin O 0,2%. Quy cách: bộ 5 chai	Bộ	2
32	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa wash add cho máy phân tích sinh hóa tự động Human Quy cách: hộp 4 lọ	Hộp	12
33	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa special wash cho máy phân tích sinh hóa tự động Human Quy cách: hộp 12 lọ	Hộp	12
34	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng pha loãng	Hóa chất chạy máy Huyết học Sysmex XP100 hoặc tương đương Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy HH. Tp: Sodium chlorride 6.38g/L, boric acid 1g/L, sodium tetraborate 0,2g/l, EDTA- 2K. Quy cách: thùng 20 Lít	Thùng	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Cồn tuyệt đối	Hóa chất để cố định lame Cồn tuyệt đối 99,5% - C ₂ H ₅ OH, 1000 mL. Cồn Ethanol tuyệt đối, là alcohol tinh khiết, là một hợp chất hữu cơ nằm trong dãy đồng đẳng của rượu methylic, là chất lỏng dễ bay hơi, dễ cháy, không màu. Quy cách: chai 1L	Chai	50
36	Test thử thai HCG	Phân loại B, công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định. Có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT B,C,D. Ngưỡng phát hiện : 25 mIU/mL. Độ nhạy trên 96% Độ đặc hiệu trên 96%. Có phiếu kiểm nghiệm Quy cách: hộp 50 test	Test	1.500
37	Hóa chất dùng nhuộm trong tế bào học	Hóa chất acid alcol 3% nhuộm xét nghiệm tế bào học như Pap's, Thinpred Pap test... Quy cách: chai 500ml	Chai	3
38	Hóa chất soi huyết trắng, nấm, da, tóc	Hóa chất KOH 10% dùng trong xét nghiệm huyết trắng, soi nấm, da... Quy cách: chai 500ml	Chai	3
39	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Chất thử sinh hóa định lượng lượng đường trong máu trên máy sinh hóa tự động Human Đóng gói: 4 chai/Hộp	Hộp	1
40	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Huyết học mức độ bình thường	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học, ở các mức độ thấp, bình thường, cao. Thành phần: chứa tế bào RBC, WBC, PLT và chất ổn định Quy cách: lọ 5ml	Lọ	12
41	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Huyết học mức độ cao	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học, ở các mức độ thấp, bình thường, cao. Thành phần: chứa tế bào RBC, WBC, PLT và chất ổn định Quy cách: lọ 5ml	Lọ	12
42	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Huyết học mức độ thấp	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học, ở các mức độ thấp, bình thường, cao. Thành phần: chứa tế bào RBC, WBC, PLT và chất ổn định Quy cách: lọ 5ml	Lọ	6
43	Hóa chất định nhóm máu A	Sản phẩm phân loại D, có giấy phép lưu hành do Bộ Y tế cấp, có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT B,C,D. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Đóng gói: 10mL/Lọ	Lọ	12
44	Hóa chất định nhóm máu AB	Sản phẩm phân loại D, có giấy phép lưu hành do Bộ Y tế cấp, có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT B,C,D. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Đóng gói: 10mL/Lọ	Lọ	12
45	Hóa chất định nhóm máu B	Sản phẩm phân loại D, có giấy phép lưu hành do Bộ Y tế cấp, có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT B,C,D. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. Đóng gói: 10mL/Lọ	Lọ	12
46	Hóa chất định nhóm máu Rhesus	Sản phẩm phân loại D, có giấy phép lưu hành do Bộ Y tế cấp, có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT B,C,D. Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ Rhesus để định	Lọ	12

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		nhóm máu. Đóng gói: 10mL/Lọ		
47	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng ly giải hồng cầu dùng cho máy Sysmex XP 100	Dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu. Thành phần: Organic uqaternary ammonium salt 8.5g/L và sodium chloride 0.6g/LĐóng gói: 3 chai/Hộp	Hộp	3
48	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng rửa máy, buồng đếm	Dung dịch rửa cho máy phân tích huyết học Sysmex XP100 hoặc tương đương Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học. Thành phần: Sodium Hypochloride 5% Đóng gói: 1chai/Hộp	Hộp	2
49	Hóa chất nhuộm xét nghiệm tế bào học	Hóa chất nhuộm xét nghiệm tế bào học: Hematoxylin – Là chất được dùng để nhuộm nhân tế bào Đóng gói: 500mL/Chai	Chai	2
50	Hóa chất nhuộm xét nghiệm tế bào học	Hóa chất nhuộm xét nghiệm tế bào học: EA50 – gồm Eosin Y, 0.23%, Bismarck brown, 0.05%, fast green FCF, 0.08%, phosphotungstic acid, 0.2%, trong denatured alcohol (cồn được methyl hóa – Cồn biến tính). Đóng gói: 500mL/Chai	Chai	2
51	Hóa chất nhuộm xét nghiệm tế bào học	Hóa chất nhuộm xét nghiệm tế bào học: OG6 – Orange G, 0.3% and phosphotungstic acid, 0.015%, trong denatured alcohol (cồn được methyl hóa – Cồn biến tính). Đóng gói: 500mL/Chai	Chai	2
52	Test nhanh Giang mai	Xét nghiệm nhanh giang mai dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch in vitro để xác định định tính kháng thể kháng xoắn khuẩn Giang mai có trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Xét nghiệm nhanh, Độ nhạy trên 96% - Độ đặc hiệu trên 96%. Có phiếu kiểm nghiệm Dễ làm, có thể dùng để sàng lọc thường quy. Dùng để theo dõi điều trị. Đánh giá được tình trạng tái nhiễm	Test	800
53	Thuốc thử ngoại kiểm tra nhóm máu	Dung dịch dùng ngoại kiểm chất lượng xét nghiệm định nhóm máu Đóng gói: 3 chai/Hộp	Hộp	4
54	Thuốc thử xét nghiệm Albumin (microalbumin)	Chất định chuẩn dùng hiệu chuẩn xét nghiệm albumin niệu. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 200 test	Test	1.000
55	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Chất thử sinh hóa dùng trong xét nghiệm GOT/AST. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	3.000
56	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Chất thử sinh hóa dùng trong xét nghiệm GPT/ ALT. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	3.000
57	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	Chất thử thí nghiệm dùng xét nghiệm Ca (Calci). Sử dụng cho máy cobas c111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	1.600

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
58	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Chất thử sinh hóa dùng trong xét nghiệm Cholesterol. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	3.000
59	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	Chất thử sinh hóa dùng trong xét nghiệm Creatinin. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	6.000
60	Thuốc thử xét nghiệm CRP	Chất thử sinh hóa dùng trong xét nghiệm CRP. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 100 test	Test	800
61	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Chất thử sinh hóa dùng trong xét nghiệm Glucose. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	2.400
62	Thuốc thử xét nghiệm HbA1c	Chất thử chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa xét nghiệm HbA1c. Sử dụng cho máy cobas c111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 200 test	Test	1.000
63	Thuốc thử ly giải xét nghiệm HbA1c	Chất thử sinh hóa dùng ly giải xét nghiệm HbA1c. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 200 test	Test	1.000
64	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm - HDL- Cholesterol. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 200 test	Test	3.000
65	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt)	Chất thử sinh hóa dùng trong xét nghiệm Fe (sắt). Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 100 test	Test	2.400
66	Thuốc thử xét nghiệm MG	Chất thí nghiệm dùng xét nghiệm magie trong y tế. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 100 test	Test	2.400
67	Thuốc thử xét nghiệm Phospho vô cơ	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa - Phosphor 100T cobas c 111. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 100 test	Test	2.400
68	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Chất thử sinh hóa dùng xét nghiệm Triglycerid. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 200 test	Test	3.000
69	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	Chất thử sinh hóa dùng xét nghiệm Axit Uric. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	3.000
70	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Chất thử sinh hóa dùng xét nghiệm Ure. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 400 test	Test	2.500
71	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Chất định chuẩn- Cfas 12x3mL. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 12x3ml	Hộp	2
72	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL- Cholesterol, LDL- Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm - HDL- Cholesterol. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 3x1ml	Hộp	4
73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Dung dịch định chuẩn dùng hiệu chuẩn xét nghiệm CRP. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 5x1ml	Hộp	3

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
74	Dung dịch tiền xử lý xét nghiệm HbA1c	Chất thử định chuẩn sinh hóa- Cfas HbA1c, 3x2ml Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 3x2ml	Hộp	4
75	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Protein, Albumin	Chất thử kiểm chuẩn - Precinorm PUC Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 4x3ml	Hộp	3
76	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HbA1c	Dung dịch kiểm tra chất lượng - PreciControl HBA1c Norm Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 4x1ml	Hộp	3
77	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa	Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa- Cleaner Basisch cobas c111 Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 4x21ml	Hộp	26
78	Dung dịch pha loãng	Chất thử sinh hóa - NaCL 9% Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 4x12ml	Hộp	3
79	Vật tư tiêu hao là dịch rửa kim hút thuốc thử và mẫu và ống dẫn.	Dung dịch rửa kim hút thuốc thử, mẫu và ống dẫn cho máy phân tích sinh hóa. Sử dụng cho máy cobas c111 hoặc tương đương Quy cách: thùng 1L	Thùng	12
80	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Albumin (microalbumin)	Chất định chuẩn dùng hiệu chuẩn xét nghiệm albumin niệu. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: Hộp 5x1ml	Hộp	6
81	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng rửa máy Horiba ES60	Nước rửa dùng cho máy huyết học Horiba ES60 hoặc tương đương Quy cách: chai 1L	Chai	6
82	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng ly giải hồng cầu dùng cho máy Horiba ES60	Thuốc thử ly giải hồng cầu dùng cho máy huyết học Horiba ES60 hoặc tương đương Quy cách: chai 1L	Chai	4
83	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng phân tích các tế bào	Thuốc thử phân tích dùng cho máy huyết học Horiba ES60 hoặc tương đương Quy cách: thùng 10L	Thùng	6
84	Công thức KI Potassium Iodide- KI- hoá chất tinh khiết phân tích theo chuẩn chất lượng ISO, REAG, PH EUR	Hóa chất tinh khiết dùng để xét nghiệm iot trong muối. Chai nhựa dạng tinh thể rắn. Quy cách: chai 1kg	chai	2
85	Hoá chất tinh khiết phân tích Ammonium persulfat (NH ₄) ₂ S ₂ O ₈	Công thức (NH ₄) ₂ S ₂ O ₈ Hóa chất tinh khiết theo chuẩn chất lượng ISO, REAG, PH EUR dùng để xét nghiệm iot trong nước tiểu. Chai nhựa dạng tinh thể rắn. Quy cách: chai 1000g	chai	4
86	Hóa chất chuẩn Natri thiosulfat titrisol, dùng pha chế 1000 ml dung	Dung dịch chuẩn Natri thiosulfat titrisol, dùng pha chế 1000 ml dung dịch chuẩn C(Na ₂ S ₂ O ₃)= 0.1N Công thức Na ₂ S ₂ O ₃ Hóa chất tinh khiết theo chuẩn chất lượng ISO, REAG, PH EUR dùng để xét nghiệm iot trong	ống	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	dịch chuẩn C(Na ₂ S ₂ O ₃)= 0.1N	muối. Ống nhựa dạng lỏng. Quy cách: ống 1000 ml		
87	Hoá chất tinh khiết phân tích, Ammonium cerium IV sulfate dihydrate	Công thức Ce(NH ₄) ₄ (SO ₄) ₄ ·2H ₂ O Hóa chất tinh khiết theo chuẩn chất lượng ISO, REAG, PH EUR dùng để xét nghiệm iot trong nước tiểu. Chai nhựa dạng tinh thể rắn. Quy cách: chai 100 g	Chai	4
88	Test nhanh sốt xuất huyết	Phát hiện nhanh kháng nguyên Ns1 của virus Dengue -Độ nhạy > 90%, Độ đặc hiệu > 90%. - Test dạng khay trong túi nhôm kín	Test	460
89	Thuốc thử ngoại kiểm sinh hóa	Dung dịch dùng ngoại kiểm chất lượng các xét nghiệm Sinh hóa	Lọ	12
90	Thuốc thử ngoại kiểm tra huyết học	Dung dịch dùng ngoại kiểm chất lượng các xét nghiệm Huyết học	Lọ	12
91	Thuốc thử xét nghiệm huyết học (dung dịch nhuộm đo hồng cầu lưới)	Thuốc thử dùng cho máy huyết học Sysmex XN-350 hoặc tương đương Nhuộm tế bào hồng cầu lưới. Thành phần: polymethine dye 0.03%; methanol 7.9%; ethylene glycol 92% Đóng gói: 12mL/Hộp	hộp	4
92	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng ly giải hồng cầu	Thuốc thử dùng cho máy huyết học Sysmex XN-350 Sử dụng đo nồng độ hemoglobin trong máu. Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1.7% Đóng gói: 1.5L/Hộp	hộp	4
93	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng ly giải màng bạch cầu	Thuốc thử dùng cho máy huyết học Sysmex XN-350 hoặc tương đương Thuốc thử sử dụng đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lympho, eosinophil, monocytes. Thành phần: organic quaternary ammonium salt 0.07%; nonionic surfactant 0.17% Đóng gói: 5L/Thùng	thùng	4
94	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng nhuộm nhân tế bào bạch cầu	Thuốc thử dùng cho máy huyết học Sysmex XN-350 hoặc tương đương Thuốc thử sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu. Thành phần: polymethine 0.002%; methanol 3%; ethylene glycol 96.9% Đóng gói: 42mL/Lọ	lọ	4
95	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng pha loãng để đo hồng cầu lưới	Thuốc thử dùng cho máy huyết học Symex XN-350 hoặc tương đương Sử dụng phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu. Thành phần: tricine buffer 0.17% Đóng gói: 1.5L/Hộp	Hộp	4
96	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng rửa máy	Thuốc thử dùng cho máy huyết học Symex XN-350 Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống. Thành phần: Sodium Hypochloride 5.0% Đóng gói: 20x4ml/Hộp	Hộp	4
97	Thuốc thử xét nghiệm huyết học dùng rửa máy huyết học và pha loãng mẫu	Thuốc thử dùng cho máy huyết học Sysmex XN-350 hoặc tương đương Sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu, tiểu cầu, cũng là chất ly giải đo Hemoglobin. Thành phần: Sodium chloride 0.7%, tris bufer 0.2% EDTA-2K 0.02% Đóng gói: 20L/Thùng	thùng	4

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
98	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Huyết học (Hóa chất chuẩn máy mức 1)	Chất chuẩn mức 1 dùng cho máy huyết học Sysmex XN-350 hoặc tương đương Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người Đóng gói: 3.0mL/Lọ	lọ	4
99	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Huyết học (Hóa chất chuẩn máy mức 2)	Chất chuẩn mức 2 dùng cho máy huyết học Sysmex XN-350 hoặc tương đương Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người Đóng gói: 3.0mL/Lọ	lọ	4
100	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Huyết học (Hóa chất chuẩn máy mức 3)	Chất chuẩn mức 3 dùng cho máy huyết học Symex XN-350 hoặc tương đương Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người Đóng gói: 3.0mL/Lọ	lọ	4
101	Test nhanh kháng nguyên viêm gan B (HBsAg)	Phân loại D, có giấy phép lưu hành do Bộ Y Tế cấp, có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTYT B,C,D * Có phiếu kiểm nghiệm *Giúp xác định chẩn đoán nhiễm siêu vi B. HBsAg phát hiện kháng nguyên bề mặt siêu vi B trong huyết tương hoặc huyết thanh bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Đóng gói: 40 test/Hộp	Test	3.900
102	Test nhanh kháng thể viêm gan B (Anti HBs)	Phân loại D, có giấy phép lưu hành do Bộ Y Tế cấp, có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTYT B,C,D. *Giúp xác định chẩn đoán nhiễm siêu vi B. Anti HBs phát hiện kháng thể bề mặt siêu vi B trong huyết tương hoặc huyết thanh bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Đóng gói: 40 test/Hộp	Test	3.300
103	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Ketones, Bilirubin, pH, urobilinogen, Tỷ trọng, Nitrite, Hồng cầu, Bạch cầu. Dùng để định tính và bán định lượng 10 thông số, kết quả có thể đọc bằng mắt thường hoặc trên máy phân tích nước tiểu bán tự động Mission, Clintek 50... Theo tiêu chuẩn CE, FDA Đóng gói: 100 test/Hộp	Que	2.600
104	Thuốc thử nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức độ bình thường	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 10 thông số. Bảo quản 2-8oC. Mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương Đóng gói: Lọ	lọ	8
105	Thuốc thử nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức độ bệnh lý	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 10 thông số. Bảo quản 2-8oC. Mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương Đóng gói: Lọ	lọ	8
106	Thuốc thử nội kiểm sinh hóa mức độ bình thường	Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng 70 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate hoặc tương đương.	lọ	12

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
107	Thuốc thử nội kiểm sinh hóa mức độ cao	Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng 70 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate hoặc tương đương.	Lọ	12
108	Thuốc thử hồng cầu lưới	Dùng để nhuộm hồng cầu lưới Hóa chất tinh khiết Quy cách: chai 100 ml	Chai	4
109	Viên khử khuẩn	Hóa chất khử khuẩn chứa Natri Dichloroisocyanurate khan 50%, Adipic Acid 22.5%, các thành phần khác 27,5% Diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng có tác dụng đối với tất cả các loại vi khuẩn sinh dưỡng, nấm, virus và nha bào. Sử dụng để khử khuẩn bề mặt, đồ vải, đồ thủy tinh và các thiết bị phòng mổ, phòng sanh, phòng bệnh, các labo xét nghiệm cũng như trong khử khuẩn bệnh viện nói chung. Quy cách: hộp 100 viên	viên	1.000
110	Dung dịch khử khuẩn	Hóa chất khử khuẩn javel hỗn hợp của hai muối Natri Clorua và Natri Hypochlorite. Quy cách: chai 1L	Chai	4
111	Ammonium iron (II) sulphate hexahydrate	Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ISO. Độ tinh khiết $\geq 99,0\%$. Đóng gói: Chai 500g	Chai	1
112	Bộ chuẩn độ đục	Phù hợp với máy đo độ đục Lovibond TB300 IR. Bao gồm 4 lọ chuẩn với các nồng độ: $< 0,1$ NTU, 20 NTU, 200 NTU, 800 NTU	Bộ	1
113	Copper (II) sulfate pentahydrate	Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết: $\geq 99,0\%$. Đóng gói: Chai 250g	Chai	1
114	Diethyl ete	Loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết $\geq 99,7\%$. Đóng gói: Chai 1000 mL	Chai	1
115	Diphenylamine 4 sulfonic acid barium salt	Thuốc thử loại dùng cho phân tích. Bước sóng hấp thụ: 290-295 nm. Đóng gói: Chai 5g	Chai	1
116	Formaldehyde test	Phương pháp đo: so màu với que thử và dung dịch chuẩn. Dãy dung dịch chuẩn có nồng độ: 10-20-40-60-100 mg/L HCHO. Đóng gói: Bộ 100 test	Bộ	1
117	Hạt silicagel	Dạng hạt tròn màu xanh, khi hút ẩm sẽ đổi màu, có thể sấy để tái sử dụng. Đóng gói: Chai 1000g	Chai	1
118	Iron (III) sulphate hydrate	Độ tinh khiết $\geq 97\%$. Đóng gói: Chai 500g	Chai	1
119	Lead (II) acetate trihydrate	Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$. Đóng gói: Chai 250g	Chai	1
120	N,N-Diethyl-P-Phenylenediamine sulfate salt	Dùng làm chỉ thị màu. Độ tinh khiết $\geq 98,0\%$. Đóng gói: chai 250g	Chai	1
121	Petroleum benzine	Dùng cho phân tích, đạt chuẩn ISO, ACS. Nhiệt độ sôi 40-60 độ C. Đóng gói: Chai 1000mL	Chai	1
122	Potassium hexacyanoferrate (II) trihydrate	Dùng cho phân tích, đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết $\geq 99,0\%$. Đóng gói: Chai 500g	Chai	1



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
123	Potassium sodium tartrate tetrahydrate	Loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết $\geq 99,0\%$. Đóng gói: Chai 500g	Chai	1
124	Starch	Loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ISO, Ph Eur Đóng gói: Chai 100g.	Chai	1
125	Sulfuric acid solution 0,1N	Loại dùng cho phân tích. Nồng độ: 0,0995-0,1005N. Đóng gói: Ống.	Ống	1
126	Treponema Pallidum RPR	(XN giang mai sàng lọc) Thành phần: RPR Carbon 2ml, Positive Control 0,5ml, Negative Control 0,5ml, Pipette Stirrers 100 Dispenser 1, Needle 1, Reaction Cards 10. Độ nhạy 100%. Độ đặc hiệu 100%	Test	1.000
127	Treponema Pallidum TPHA	(XN giang mai khẳng định)Phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: lớn hơn 99,9%Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 24 giờKhông cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương- Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần: 50 μ L- Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30 °C- Đạt tiêu chuẩn: CE IVD- Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485.	Test	100
128	Test nhanh chẩn đoán HIV - Sinh phẩm 1 (Khác SP2,3 về nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên)	(Test nhanh sàng lọc HIV (SP1) khác nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên với 2 sinh phẩm xét nghiệm bổ sung (SP2, SP3)) Độ nhạy 100%,Độ đặc hiệu >99,5%; Phát hiện được kháng thể HIV1/2; Thời gian đọc kết quả nhanh, độ ổn định kết quả được lâu trên 30 phút; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành còn hiệu lực do BHYT cấp phép, CO-CQ; Phân loại TTB thuộc loại C, D theo Thông tư 05/2022 Đáp ứng theo phương cách khuyến cáo của Bộ Y tế.	Test	4.500
129	Test nhanh chẩn đoán HIV - Sinh phẩm 2 (Khác SP1,3 về nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên)	(Test nhanh chẩn đoán HIV (SP2) khác nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên với SP1, SP3) Độ nhạy 100%,Độ đặc hiệu >99,5%; Phát hiện được kháng thể HIV1/2, và phân biệt được HIV1 và HIV2; Thời gian đọc được kết quả không dưới 10 phút; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành còn hiệu lực do BHYT cấp phép, CO-CQ; Phân loại TTB thuộc loại C, D theo Thông tư 05/2022 Đáp ứng theo phương cách khuyến cáo của Bộ Y tế.	Test	1.000
130	Test nhanh chẩn đoán HIV - Sinh phẩm 3 (Khác SP1,2 về nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên)	(Test nhanh chẩn đoán HIV (SP3) khác nguyên lý hoặc cách chuẩn bị kháng nguyên với SP1, SP2) Độ nhạy 100%,Độ đặc hiệu >98%; Phát hiện được kháng thể HIV1/2; Thời gian đọc được kết quả nhanh, không dưới 10 phút; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành còn hiệu lực do BHYT cấp phép, CO-CQ; Phân loại TTB thuộc loại C, D theo Thông tư 05/2022 Đáp ứng theo phương cách khuyến cáo của Bộ Y tế.	Test	100

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
131	Sabouraud 4% dextrose	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. pH: 5,6 (65 g/l, H ₂ O, 25 độ C) sử dụng sau hấp	Chai	5
132	Nutrient agar	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 6579 và ISO 17025 Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 6,8 -7,2 (20 g/l, H ₂ O, 37 độ C) sử dụng sau hấp	Chai	2
133	Blood agar base	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. pH: 7,2 - 7,6 (40 g/l, H ₂ O, 25 độ C) (sau khử trùng)	Chai	4
134	Bông gòn cắt	Bông gòn miếng tiết trùng hút chân không, được làm từ 100% bông tự nhiên, sản xuất theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. Kích thước 2,5 - 3,5cm x 2,5 - 3,5cm Đồng đều về kích thước và trọng lượng, khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại và không gây kích ứng da, thân thiện môi trường, bông trắng và sạch.	Kg	2
135	Đĩa petri nhựa Ø 60 mm	Bảng nhựa, đã tiết trùng. Kích thước 60x15mm. Đóng gói: Thùng 500 cái	Cái	5.000
136	Đĩa petri nhựa Ø 90 mm	Bảng nhựa, đã tiết trùng. Kích thước 90x15mm. Đóng gói: Thùng 500 cái	Cái	6.000
137	Màng lọc tiết trùng 0,22µm	Chất liệu bằng cellulose ester, Đường kính 47mm, Kích thước lỗ lọc 0,2 - 0,22µm, Tiết trùng rời từng cái; Đóng gói: Hộp 600 cái hoặc hộp 100 cái	Cái	1.200
138	Màng lọc tiết trùng 0,45µm	Chất liệu bằng cellulose ester, Đường kính 47mm, Kích thước lỗ lọc 0,45µm, Tiết trùng rời từng cái; Đóng gói: Hộp 600 cái hoặc hộp 100 cái	Cái	2.400
139	Que gỗ quán gòn	Que gỗ quán gòn, tiết trùng rời từng que trong ống nhựa dài 150mm dùng trong cấy vi sinh.	Cái	2.000
140	Que trộn thủy tinh (hoặc Que tran (trái) thủy tinh)	Que trộn bằng thủy tinh, chịu nhiệt, đầu tam giác, dài 20cm	Cái	50
141	Lam nhám	Làm bằng kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt. Đọc được kết quả rõ ràng, chính xác qua kính hiển vi. Lame trong, không bị dính nhau, dùng soi phân, làm soi nhuộm huyết trắng... Kích thước: 25.4 x 76.2mm. Độ dày: 1 - 1.2mm	Miếng	3.600
142	Bộ kit xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung	Bộ kit xét nghiệm tế bào cổ tử cung công nghệ màng lọc: Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA Hoa Kỳ; CE; ISO 13485. Kit bao gồm: 01 lọ dung dịch:- Thành phần : Chứa 20ml dung dịch đệm bảo quản có thành phần chính: ≥ 50% methanol. Có nồng độ pH: 5,6± 0,5.- Tác dụng: Bảo quản tế bào ≥ 6 tuần ở nhiệt độ thường.- Phân loại 3 theo FDA US, phân loại C theo phân loại	Bộ	1.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>của Singapore 01 màng lọc - Hình trụ, bằng nhựa, đường kính ≥ 2cm với một màng polycarbonate gắn ở cuối hình trụ, kích thước lỗ lọc 8 micron.- Tác dụng: Lọc bỏ phần lớn chất nhầy và hồng cầu. Lọc tế bào và dán các tế bào lên lam kính.- Phân loại 3 theo FDA US, phân loại C theo phân loại của Singapore 01 lam kính.- Làm bằng thủy tinh, tích điện dương: - Tác dụng: giữ các tế bào bám dính trên bề mặt lam kính, tập trung được nhiều tế bào và dàn trải đều, không bị chồng tế bào.- Phân loại 3 theo FDA US, phân loại C theo phân loại của Singapore 01 chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung:- Được làm bằng nhựa PE- Tác dụng: Dùng để lấy tế bào cổ tử cung- Phân loại 2 theo FDA US, phân loại C theo phân loại của Singapore</p>		
143	Hoá chất phát hiện E6/E7 mRNA của 14 type HPV	<p>Hoá chất phát hiện E6/E7 mRNA của 14 type HPV nguy cơ cao trong mẫu cổ tử cung theo công nghệ TMA (Transcription-Mediated Amplification) bao gồm: 1. Bộ kit xét nghiệm HPV 2. Bộ kit xét nghiệm định tuýp HPV 16 18/453. Ống chuyển mẫu có chứa dung dịch đệm, bảo quản nhiệt độ 15 - 30°C4. Bộ kit chạy máy định danh định tuýp HPV bao gồm bộ dung dịch rửa, kit phát hiện sản phẩm khuếch đại mRNA HPV, và các phụ kiện chạy máy, bảo quản ở nhiệt độ 15-30°C5. Bộ chất chứng cho xét nghiệm HPV, bảo quản nhiệt độ 2-8°C, bao gồm dung dịch đệm chứa tế bào có HPV dương tính và dung dịch đệm chứa tế bào HPV âm tính.6. Hộp dung dịch chuẩn xét nghiệm HPV bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C, bao gồm dung dịch chuẩn HPV dương tính và dung dịch chuẩn HPV âm tính7. Hộp chất chuẩn xét nghiệm định tuýp HPV 16 18/45, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C, bao gồm chất chuẩn HPV 16 18/45 dương tính 1, chất chuẩn HPV 16 18/45 dương tính 2 và chất chuẩn HPV 16 18/45 âm tính8. Bộ dung dịch rửa dùng cho quá trình phát hiện chạy cho 1000 xét nghiệm, bao gồm dung dịch rửa , thuốc thử dầu và dung dịch đệm cho quá trình phát hiện, bảo quản ở nhiệt độ 15 - 30°C9. Bộ kit phát hiện sản phẩm khuếch đại chạy cho 1000 xét nghiệm, bảo quản ở nhiệt độ 15 - 30°C</p>	Bộ	500
144	Băng cá nhân	<p>Để mở ra sử dụng, tháo băng không dính keo, chống thấm nước hoặc cánh dán bằng nhựa trong. Kích thước: 2x6cm Thành phần: Vải Băng: Polyethylene, lỗ thông lớn. Gạc: Màu trắng phủ bởi lớp lưới polyethylene không gây dính giúp thay băng không đau. Keo: Acrylic</p>	Miếng	8.000
145	Băng keo lụa (kích thước 2.5cm x 5m)	<p>Phần nền bằng vải lụa, chất keo là ôxít kẽm không dùng dung môi. Độ dính cao dùng trong y tế Xé dễ dàng, dùng được nhanh, có thể cắt không dùng kéo Keo có độ dính lâu dài. Dính chắc trong tất cả các trường hợp.</p>	cuộn	12

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Ít gây dị ứng, thích hợp cho da nhạy cảm. Lỗ thoát khí nhỏ: giúp da thông thoáng. Xé dễ dàng, dùng được nhanh mà không cần kéo Đóng gói: 12 cuộn/lốc		
146	Dây Garo	Không bị dẫn hay đồ lỏng, dây có khóa đóng mở nơi tháo dây dễ dàng. Tiêu chuẩn ISO 13485:2005 Đóng gói: từng sợi	sợi	17
147	Gạc tẩm cồn	Gạc tẩm 70% isopropyl alcohol	miếng	1.700
148	Bông gòn viên	Bông gòn viên tiệt trùng hút chân không, được làm từ 100% bông tự nhiên, sản xuất theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. Kích thước 2cm x 3cm. Đồng đều về kích thước và trọng lượng, khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại và không gây kích ứng da, thân thiện môi trường, bông trắng và sạch. Đóng gói: Bịch 100g	Bịch	90
149	Cồn 70 độ	Cồn trắng 70 độ là cồn y tế hay còn gọi là cồn ethanol, có công thức là C ₂ H ₆ O hoặc C ₂ H ₅ OH. Hóa chất dùng để tiệt trùng các dụng cụ y tế và sát trùng vết thương do có khả năng diệt khuẩn cao. Trong thời gian tiếp xúc 2 phút, cồn trắng 70 độ VP 500ml có thể diệt các loại khuẩn staphylococcus aureus, pseudomonas aeruginosa, shigella flexneri, bacillus subtilis, mycobacterium tuberculosis, nấm candida albicans...	Lít	100
150	Dung dịch rửa tay có tác dụng diệt khuẩn	Thành phần: Chlorhexidin Digluconate 0.5%, Alpha-Terpineol (chiết xuất từ tinh dầu trầm) 0.5%, Ethanol, Vitamin E, tá dược dưỡng da. Công dụng: Tác dụng sát khuẩn với phổ rộng, nhanh chóng tiêu diệt toàn hoàn các vi khuẩn Gram (-), Gram (+) bao gồm trực khuẩn lao, trực khuẩn mù xanh, các chủng nấm bệnh, virus cúm A/H1N1, H5N1, Enterovirus (EV71), virus HIV và có tác dụng kháng khuẩn trên 02 giờ. Đối tượng sử dụng: Dùng để sát khuẩn nhanh, vô trùng tay cho phẫu thuật viên, sát khuẩn bàn tay thường qui cho nhân viên y tế hệ điều trị và dự phòng.	Chai	15
151	Bơm tiêm 3cc-kim 23Gx1'	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Được sử dụng loại keo dính đặc biệt, mang lại độ bền chắc cho kim và đốc kim. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường, chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu piston. Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: không bị gãy, không bị rỉ trong điều kiện sử dụng bình thường. Khử trùng bằng khí E.O. Vô trùng - Không độc - không gây sốt Dung tích bơm tiêm: 3ml / cc Kích cỡ kim: 23Gx1'	cái	2.300



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
152	Bơm tiêm 5cc-kim 23Gx1'	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Được sử dụng loại keo dính đặc biệt, mang lại độ bền chắc cho kim và đốc kim. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường, chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu piston. Đường kính , độ dài kim , vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế : không bị gãy , không bị uốn trong điều kiện sử dụng bình thường. Khử trùng bằng khí E.O. Vô trùng - Không độc - không gây sốt Dung tích bơm tiêm : 5ml / cc Kích cỡ kim : 23Gx1'	cái	11.800
153	Găng tay y tế (không bột) size L	- Găng tay các cỡ (XS,S,M,L,XL) Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319 Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, ISO 13485:2016. ISO 22000:2005. Sản xuất từ 100% nitrile (Acrylonitrile-Butadiene) Chất liệu: nhựa Nitril (1 loại nhựa dẻo nhân tạo). Đặc tính: găng tay ôm sát tay, độ dẻo và độ bền tốt. - Độ dày vùng ngón tay : 0.08 mm+0.03 - Độ dày vùng lòng bàn tay : >= 0.05 - Sức căng cơ trước già hóa: tối thiểu 18 MPa - Sức căng cơ sau già hóa: tối thiểu 16 MPa - Độ giãn dài trước già hóa: tối thiểu 500% - Độ giãn dài sau già hóa: tối thiểu 400% - Chiều dài găng tối thiểu 230 - 250mm - Dùng lấy máu xét nghiệm, thực hiện xét nghiệm Sinh hóa, Huyết học, Vi sinh, Miễn dịch và Ký sinh trùng. Hộp: 50 đôi	đôi	4.000
154	Găng tay y tế (không bột) size M	- Găng tay các cỡ (XS,S,M,L,XL) Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319 Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, ISO 13485:2016. ISO 22000:2005. Sản xuất từ 100% nitrile (Acrylonitrile-Butadiene) Chất liệu: nhựa Nitril (1 loại nhựa dẻo nhân tạo). Đặc tính: găng tay ôm sát tay, độ dẻo và độ bền tốt. - Độ dày vùng ngón tay : 0.08 mm+0.03 - Độ dày vùng lòng bàn tay : >= 0.05 - Sức căng cơ trước già hóa: tối thiểu 18 MPa - Sức căng cơ sau già hóa: tối thiểu 16 MPa - Độ giãn dài trước già hóa: tối thiểu 500% - Độ giãn dài sau già hóa: tối thiểu 400% - Chiều dài găng tối thiểu 230 - 250mm - Dùng lấy máu xét nghiệm, thực hiện xét nghiệm Sinh hóa, Huyết học, Vi sinh, Miễn dịch và Ký sinh trùng.	đôi	2.000
155	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp với 2 lớp ngoài cùng sử dụng vải không dệt Poly Propylene và lớp trong dùng lớp chống vi khuẩn, nấm, virus và lọc các loại các hạt bụi loại nhuyễn có hại.- Được xếp loại A theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.- Có bản công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định.- Đóng gói: cái/ gói	cái	5.500

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
156	Khẩu trang y tế có hiệu suất trên 95%	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn NIOSH-42C FR84, có số chứng nhận của NIOSH-Mỹ. - Khẩu trang che kín miệng và mũi, đảm bảo ôm sát sống mũi và khuôn mặt, không để không khí đi vào/ ra qua khe hở giữa khẩu trang và mặt, ngăn ngừa bụi và vi khuẩn/ virus lây qua đường hô hấp. - Bề mặt sạch sẽ, không có lỗi ngoại quan, không có mùi gây khó chịu. - Cấu tạo: ≥ 4 lớp, hiệu suất lọc bụi và vi khuẩn/ virus: $\geq 95\%$. - Lớp ngoài cùng: vải không dệt polypropylene chống thấm, lọc ban đầu và chặn các hạt bụi lớn, giọt bắn mang vi khuẩn/ virus. - Các lớp lọc ở giữa chặn các hạt mịn và vi khuẩn/ virus. - Lớp trong cùng: vải không dệt polypropylene, không gây kích ứng da. - Nẹp (gọng) mũi bằng nhựa hoặc kim loại, độ bền gấp cao, dễ điều chỉnh cho vừa khít vùng mũi. - Dây đeo thun, loại 2 dây trên và dưới, vòng qua đầu. Dây đeo không gây kích ứng da được hàn nhiệt chắc chắn, trực tiếp vào khẩu trang nhưng vẫn đảm bảo an toàn, không gây rò rỉ. 	cái	400
157	Khẩu trang y tế có hiệu suất trên 95% có lớp lọc than hoạt tính	<p>Bảo hộ lao động, được chế tạo bằng than hoạt tính ACF ngăn ngừa 95% sự thâm nhập vào đường hô hấp của các hạt bụi cực nhỏ như PM2.5 và các chất ô nhiễm khác.</p> <p>Có giấy phép lưu hành tại Việt Nam</p>	Cái	220
158	Lọ mẫu đựng phân có que	<ul style="list-style-type: none"> - Làm từ nhựa PS trung tính, màu trắng trong, tinh khiết 100%, tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - thể tích 50 - 60ml - Lọ lấy mẫu nắp vặn chặt, có đường kính (kể cả phần thành lọ): 37mm. Độ dày của thành lọ: 0.5mm. Chiều cao của lọ : 58 - 70mm. Lọ miệng rộng, K50 có dán nhãn hay có chỗ viết, dán thông tin người bệnh, được dùng lấy các mẫu bệnh phẩm tạp nhiễm như phân tươi, lấy nước tiểu làm tổng phân tích nước tiểu, hCG.. 	Lọ	300
159	Lọ chứa bệnh phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Làm từ nhựa PS trung tính, màu trắng trong, tinh khiết 100%, tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - thể tích 50 - 60ml - Lọ lấy mẫu nắp vặn chặt, có đường kính (kể cả phần thành lọ): 37mm. Độ dày của thành lọ: 0.5mm. Chiều cao của lọ : 58 - 70mm. Lọ miệng rộng, có dán nhãn hay có chỗ viết, dán thông tin người bệnh, được dùng lấy các mẫu bệnh phẩm tạp nhiễm như phân tươi, lấy nước tiểu làm tổng phân tích nước tiểu, hCG.. 	Cái	7.000
160	Ống Eppendoff	<p>Có vạch chia được sản xuất từ nhựa PP tinh khiết trên khuôn có độ chính xác và làm bằng nhựa polypropylene trong suốt, chịu lực ly tâm 20,000 x g. Chịu nhiệt độ từ - 80 độ C đến 121 độ C. Thao tác đóng mở nắp bằng một tay dễ dàng, nắp đảm bảo kín khít, chống bay hơi. Mặt trong thành ống nhẵn, chống bám dính, hấp tiệt trùng được. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001, CE. Dùng chứa mẫu sau tách huyết thanh.</p>	cái	2.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
161	Ống nghiệm kháng đông Chimigly	- Làm từ nhựa PP tiêu chuẩn ISO 13485:2003 - Thể tích 5ml - Kích thước 12mm x 75mm - Nắp màu xám - Ống màu trắng trong chứa hóa chất kháng đông Heparin và NaF. Dùng trong xét nghiệm đường để duy trì lượng đường không thay đổi trong 36-48 giờ sau khi lấy máu tĩnh mạch.	Ống	7.500
162	Ống nghiệm có chất kháng đông EDTA	- Làm từ nhựa PP tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Thể tích 5ml - Kích thước 11mm - 13mm x 75mm - Nắp màu xanh dương, (có thể đâm xuyên được khi thực hiện trên máy xét nghiệm tự động), bấm chặt sau đóng nắp, dễ thao tác đóng mở. Thân ống: bằng nhựa, chịu được lực khi ly tâm 3000-5000 v/phút trong 15 phút. Chất chống đông: đủ thể tích và hàm lượng để chống đông 2 ml máu toàn phần; không bay hơi khi trữ ở nhiệt độ 20-25 độ C; EDTA potassium (EDTA-K2 hoặc EDTA-K3 Ethylenediaminetetra acid) dạng phun sương trên thành ống với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ.	Ống	13.700
163	Ống nghiệm kháng đông Heparin	- Làm từ nhựa PP tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Thể tích 5ml - Kích thước 11 - 13 mm x 75mm - Nắp màu đen, (có thể đâm xuyên được khi thực hiện trên máy xét nghiệm tự động), bấm chặt sau đóng nắp, dễ thao tác đóng mở. Thân ống: bằng nhựa, chịu được lực khi ly tâm 3000-5000 v/phút trong 15 phút. Chất chống đông: đủ thể tích và hàm lượng để chống đông 2 ml máu toàn phần; không bay hơi khi trữ ở nhiệt độ 20-25 độ C; có heparin lithidium dạng phun sương trên thành ống.	Ống	6.000
164	Ống nghiệm serum	- Làm từ nhựa PP tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Thể tích 5ml - Kích thước 11mm - 13 mm x 75mm - Nắp màu đỏ - Ống màu trắng trong có chứa hạt bi nhựa tròn nhỏ màu trắng poly styrene. - Nắp: sử dụng nắp mềm, có thể đâm xuyên được khi thực hiện trên máy xét nghiệm tự động, bấm chặt sau đóng nắp, dễ thao tác đóng mở.- Thân Ống: bằng nhựa, chịu được lực khi ly tâm 3000-5000 v/phút trong 15 phút.- Máu đông và lắng nhanh khi ly tâm.- Ống nghiệm serumplast có hoặc không có hạt silica, có nút thấp (tức là các Ống nghiệm khi cung cấp cho trung tâm phải được sắp xếp sẵn vào các khay nút xốp thấp với quy cách đóng gói: 100 ống/Khay).	Ống	4.500
165	Dầu soi kính hiển vi	Dùng trong phân tích, quan sát bằng kính hiển vi quan sát các vật mẫu, độ phóng đại của kính không thể làm rõ vật mẫu, đây là dung dịch trong suốt, có chỉ số khúc xạ cao chỉ số khúc xạ là 1.51 tương đương với chỉ số khúc xạ của tấm Lame đặt trên bề mặt mẫu.	Chai	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
166	Kim lấy máu mao mạch, đầu ngón tay	Kim vô khuẩn dùng lấy máu mao mạch, máu đầu ngón tay, một đầu côn làm giảm đáng kể chấn thương khu da bị đâm thủng. Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại, từng kim sẽ được bọc giấy riêng rẽ, tiệt trùng từng cây, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho mỗi lần sử dụng.	cái	600
167	Bóng đèn halogen dùng cho máy sinh hóa	Bóng đèn ha-lo-gen 12V/20W dùng cho máy sinh hóa. Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương	Cái	4
168	Bóng đèn halogen dùng cho máy sinh hóa	Bóng đèn ha-lo-gen dùng cho máy sinh hóa. LAMP HALOGEN sử dụng cho máy HumaStar 100 hoặc tương đương	Cái	2
169	Khay phản ứng hệ thống	Khay phản ứng gồm 24 vòng cung, 1 vòng cung có 10 cuvet Sử dụng cho máy cobas c 111 hoặc tương đương Quy cách: thùng 1680 cái	cái	43.680
170	Giấy in nhiệt dùng cho máy Sinh hoá	Giấy in sử dụng in kết quả từ máy Cobas C111 hoặc tương đương	cuộn	70
171	Nước cất 1 lần	Dùng rửa máy và pha hóa chất Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ASTM D1193, ISO BS EN 3696, TCVN 4851; Dược điển 4. Thông số chỉ tiêu chất lượng: pH: 6.00 – 8.00; Độ dẫn điện: ≤ 4 µS/cm; Điện trở kháng: ≥ 0.25 Mohm.cm; TOC: ≤ 500 µg/L; Sodium: ≤ 50 µg/L; Chloride: ≤ 50 µg/L; Total silica: ≤ 30 µg/L; Bacteria content: ≤ 50 CFU/mL	lít (Can 30 lít)	720
172	Nước cất vô khuẩn 500 ml	Dùng để cho bình oxy. Quy cách: Chai 500ml	Chai	17
173	Giấy in nhiệt cho máy nước tiểu	Dùng in kết quả trên máy nước tiểu Kích thước (57mm x20mm). In hình ảnh rõ rệt, vượt trội. Sử dụng cho các máy nước tiểu 10 thông số.	cuộn	58
174	Giấy lau kính hiển vi	Dùng lau kính hiển vi quang học, chất liệu mềm mịn, không phát sinh bụi, hấp thu độ ẩm và dầu Đóng gói: xấp	Xấp	5
175	Giấy lọc phi 18 cm	Giấy lọc dung dịch phi 18cm Giấy lọc có độ chính xác cao và hiệu quả của lọc, Giấy lọc định tính, tốc độ chảy trung bình Dùng để lọc hóa chất, lọc mẫu trong chất lỏng,...Thường được dùng cho phòng thí nghiệm Đóng gói: 100 tờ/Hộp	Hộp	5
176	Hộp đựng lam kính	Kích thước: 8.25 x 6.37 x 1.25 in Chứa được lam kính với kích thước 25mm*75mm Sản phẩm được làm từ nhựa ABS (hay còn gọi là nhựa nhiệt dẻo). Bảo quản ở nhiệt độ thường Mỗi khe được đánh số thứ tự trùng khớp với thứ tự trên nắp hộp giúp dễ dàng bảo quản và theo dõi, hộp có chốt gài bằng thép không gỉ chắc chắn, chứa được 100 lam kính. Sử dụng hộp đựng lam kính các tiêu bản được giữ an toàn tuyệt đối và đảm bảo nguyên vẹn sau thời gian lâu dài.	Hộp	7
177	Lam kính 7102	Lame trong, không bị dính nhau, dùng soi phân, làm soi nhuộm huyết trắng...Kích thước: 25.4 x 76.2mm. Độ dày: 1 - 1.2mm	cái	8.000



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
178	Lamen	Kích thước: 22 x 22 mm, độ dày: 0.13 - 0.16 mm Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên. Lamen trong, dùng đặt lên trên lam kính để cố định bệnh phẩm dùng trong soi nhuộm huyết trắng và soi phân Tuân thủ tiêu chuẩn DIN ISO 8255	cái	15.720
179	Đầu col xanh (không khóa)	Đầu col xanh không khóa (dễ tháo lắp ra khỏi Micropipet), dung tích: 1000uL Đầu col được làm bằng Polypropylene có độ tinh khiết cao, không chứa cadimi và kim loại nặng có thể hấp thụ tiết trùng được Được sản xuất với độ chính xác đặc biệt, sẽ khớp với các Micropipet tương thích và định hướng tối ưu của chất lỏng trong quá trình lấy mẫu lỏng. Rất trong suốt và có mức độ chống thấm nước tuyệt vời. Thiết bị có thể hấp thụ tiết trùng, không có mù latex. Khả năng tương thích với nhiều hãng sản xuất Micropipet thông dụng: tất cả các model Eppendorf, Gilson Pipetman, Biohit Proline, Brand Transferpette, Socorex Acura & Calibra, HTL Discovery, Nichiryo, Thermo Scientific, Finnpiptette. Quy cách: bịch 1000 cái	cái	5.000
180	Pipet nhựa 3ml	Được làm từ nhựa trong suốt, có nắp an toàn để tránh tình trạng xuất hiện khe hở, với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ. Có thể được sử dụng trong các máy ly tâm lên đến 17.000 rpm max. Theo các tiêu chuẩn chất lượng CE, OHSAS 18001:2007, ISO 13485:2012, ISO 14001:2004	Cái	50
181	Cuvet thạch anh, đường truyền 10 mm	Light path 10mm, kích thước ngoài: 12,5x12,5mm, cao 45mm. 2 mặt nhám, 2 mặt trơn, phạm vi bước sóng: 200-2.500 nm.	Cái	4
182	Giấy lọc định lượng không tro 110mm	Chất liệu: cellulose, đường kính: 110mm, lọc chậm, kích thước lỗ lọc: 3 µm. Đóng gói: 100 cái/hộp	Hộp	1
183	Giấy lọc định tính	Giấy lọc định tính, lọc trung bình-nhanh, kích thước lỗ lọc 11µm, đường kính 180-190mm. Quy cách: 100 cái/hộp	Hộp	2
184	Màng lọc sợi thủy tinh	Kích thước lỗ lọc 1,5µm, đường kính 47mm, chịu nhiệt >500 độ C. Quy cách: 100 cái/hộp.	Hộp	1
185	Chai xịt cồn 500ml	(Bình tia nhựa 500mL), Chất liệu: nhựa; Đặc tính: độ dẻo và độ bền tốt. Dùng để cồn xịt sát khuẩn.	Chai	15
186	Ống nắp vặn không ron	(Ống nắp vặn 2 ml) - Ống 1,8 - 2mL, chịu được ly tâm tốc độ cao từ 5000 - 15000 vòng/ phút. Không chứa Dnase, Rnase, DNA tự do. Chịu được khoảng nhiệt độ cao: -196 độ C đến +121 độ C.	Cái	20.000
187	Đầu cone lọc 200ul	(Đầu côn có lọc 200 ul) - Đầu cone có lọc, vô trùng. - Đầu cone được làm bằng Polypropylene có độ tinh khiết cao, không chứa cadimi và kim loại nặng có thể hấp thụ tiết trùng được, không có mù latex. - Không chứa Dnase/Rnase - Đạt tiêu chuẩn PCR clean, tiết khuẩn và không chứa	Cái	6.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		nội độc tố (pyrogen-free) - Loại nhựa trong, có vạch chia thể tích, thể tích hút 200ul, đầu hút nhọn - Màu sắc: không màu, trong. - Phù hợp với nhiều loại pipette thông dụng: tất cả các model Eppendorf, Gilson Pipetman, Biohit Proline, Brand Transferpette, Socorex Acura & Calibra, HTL Discovery, Nichiryo, Thermo Scientific, Finnpiquette.		
188	Đầu cone lọc 1.000uL	(Đầu côn có lọc, thể tích 1000ul) - Đầu cone có lọc, vô trùng. - Đầu cone được làm bằng Polypropylene có độ tinh khiết cao, không chứa cadimi và kim loại nặng có thể hấp tiết trùng được, không có mù latex. - Không chứa Dnase/Rnase. Đạt tiêu chuẩn PCR clean, tiết khuẩn và không chứa nội độc tố (pyrogen-free) - Loại nhựa trong, có vạch chia thể tích, thể tích hút 1000ul, đầu hút nhọn. Màu sắc: không màu, trong. - Phù hợp với nhiều loại pipette thông dụng: tất cả các model Eppendorf, Gilson Pipetman, Biohit Proline, Brand Transferpette, Socorex Acura & Calibra, HTL Discovery, Nichiryo, Thermo Scientific, Finnpiquette.	Cái	15.000
189	Hộp đựng cryotube 10*10	- Hộp từ nhựa polypropylene - Kích thước: 151 × 139 × 54 mm - Có nắp được gắn trên thân hộp, dễ sử dụng - 100 vị trí phù hợp với nhiều loại tube 2 ml, có đánh dấu thứ tự theo hàng ngang và hàng dọc phù hợp cho việc nhận diện mẫu trên từng ô. - Chịu được nhiệt độ -90 độ C	hộp	158
190	Dung dịch xà phòng sát khuẩn rửa tay (rửa lại bằng nước)	(Dung dịch rửa tay (rửa lại bằng nước) - Dung dịch trong suốt - pH dung dịch: 6 - 6,5 - Ti trọng: 1,020 - 1,025 - Độ nhớt thích hợp với mọi vòi bơm - Công thức không chứa chất tạo màu, tạo mùi. Giàu glycerin	chai	24
191	Bình đựng kềm	- Kích thước: cao 12cm, dài 10cm - Thép không gỉ cùng công nghệ cao sử dụng trong y tế	Cái	2
192	Găng tay y tế (không bột) dùng trong sinh học phân tử	- Găng tay các cỡ (XS,S,M,L,XL) Phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D6319. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, ISO 13485:2016. ISO 22000:2005. Sản xuất từ 100% nitrile (Acrylonitrile-Butadiene). Không có Protein. Chất liệu: nhựa Nitril (1 loại nhựa dẻo nhân tạo). Đặc tính: găng tay ôm sát tay, độ dẻo và độ bền tốt. Đặc tính: găng tay ôm sát tay, độ dẻo và độ bền tốt. Độ dày vùng ngón tay : 0.08 mm+/- 0.03- Độ dày vùng lòng bàn tay : >= 0.05- Sức căng cơ trước già hóa: tối thiểu 18 MPa- Sức căng cơ sau già hóa: tối thiểu 16 MPa- Độ giãn dài trước già hóa: tối thiểu 500%- Độ giãn dài sau già hóa: tối thiểu 400%- Chiều dài găng tối thiểu 230 - 250 mm. Hộp 50 đôi	Đôi	12.000
193	Giá để ống nghiệm	(Giá inox để ống nghiệm 96 chỗ). Giá để ống nghiệm bằng Inox sử dụng chất liệu Inox không gỉ, không bị ăn mòn và dễ khử trùng.	Cái	5



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Thích hợp để các loại ống nghiệm nhựa, thủy tinh, Số chỗ: 90 chỗ		
194	Khâu trang y tế 3 lớp có than hoạt tính	Khâu trang 3 lớp, có than hoạt tính	Cái	250

26

